

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BR – VT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ



GIÁO TRÌNH

MÔ ĐUN INTERNET

TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDN... ngày.....tháng....năm
..... của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề tỉnh BR - VT*



Bà Rịa – Vũng Tàu, năm 2015

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLie

LỜI GIỚI THIỆU

Công nghệ thông tin ngày càng phát triển và thậm chí nhâp vào nhiều lĩnh vực trong cuộc sống. Song song với sự phát triển đó, là sự phát triển mạnh mẽ và bùng nổ của Internet.

Vì vậy tác giả đã biên soạn cuốn giáo trình Internet dùng cho học sinh Trung cấp nghề, ngoài ra nó còn là cuốn sách tham khảo của nhiều độc giả muốn tìm hiểu về mạng toàn cầu - Internet

Mục đích của giáo trình là trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng:

- Trình bày được bản chất và tầm quan trọng của Internet và WWW;
- Thực hiện được cách thức kết nối Internet
- Khai thác hiệu quả dịch vụ WWW
- Sử dụng được các kỹ năng tìm kiếm thông tin
- Cài đặt và sử dụng được thư điện tử
- Sử dụng được các dịch vụ, hội thoại Internet
- Sử dụng được các dịch vụ: Elearning; Forum; Ecommerce

Nội dung chính của giáo trình gồm các phần chính:

Phần 1: Các khái niệm tổng quát

Phần 2: Cách thức kết nối Internet

Phần 3: Khai thác dịch vụ WWW

Phần 4: Tìm kiếm thông tin trên Internet

Phần 5: Cài đặt và sử dụng thư điện tử

Phần 6: Sử dụng các dịch vụ, hội thoại Internet

Phần 7: Sử dụng các dịch vụ Elearning; Forum; Ecommerce

Mặc dù bản thân đã tham khảo các tài liệu và ý kiến tham gia của các đồng nghiệp, song cuốn giáo trình vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Mong các bạn đóng góp ý kiến.

Tôi xin cảm ơn các thầy cô khoa CNTT-Trường Cao đẳng nghề đã cho tôi các ý kiến đóng góp quý báu để tôi hoàn thiện giáo trình này.

TÁC GIẢ

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN.....	2
LỜI GIỚI THIỆU.....	3
Chia sẻ kết nối ADSL trên Modem có cổng USB và RJ45.....	14
Chia sẻ kết nối ADSL trên Modem có 4 cổng RJ45.....	14
Chia sẻ kết nối ADSL bằng thiết bị mạng Router hoặc Switch.....	14
2.3 Hướng dẫn Thiết đặt tùy chọn trong khung Riêng tư.....	19
2.4 Hướng dẫn Thiết đặt tùy chọn trong khung Bảo mật.....	22
2.5 Hướng dẫn Thiết đặt tùy chọn trong khung Nâng cao.....	24
Khám phá trang khác.....	25
Nhấn chuột lên một liên kết.....	26
Quay lại chốn cũ.....	26
Dừng và tải lại.....	27
Duyệt web theo thẻ.....	27
Sử dụng Thanh Lề.....	27
Tìm kiếm trên web.....	28
Chọn máy tìm kiếm.....	28
Quản lí máy tìm kiếm.....	28
Tìm trên web với từ khóa là những từ được chọn của một trang web.....	28
Tìm trong một trang.....	29
Chép một phần của trang.....	30
Lưu tất cả hoặc một phần trang web.....	30
In một trang.....	32
Sử dụng Xem trước khi In.....	33
Sử dụng Thiết lập Trang.....	33
Quản lí các kiểu tập tin khác nhau.....	35
Thiết lập Firefox thành trình duyệt mặc định của bạn.....	36
Thay đổi thiết lập bộ đệm (cache).....	37
Các giao thức.....	47
TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO.....	61

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN INTERNET

Mã mô đun: MĐ 10

Thời gian mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 45 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN:

1. Vị trí

Mô đun học được bố trí sau khi học sinh học xong các mô đun, môn học chung và trước các môn học, mô đun đào tạo chuyên môn nghề quản trị CSDL.

2. Tính chất

Là mô đun cơ sở bắt buộc hỗ trợ cho HSSV các kỹ năng về khai thác thông tin trên Internet.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN: Sau khi học xong mô đun này, học sinh – sinh viên có khả năng:

- Trình bày được bản chất và tầm quan trọng của Internet và WWW;
- Thực hiện được cách thức kết nối Internet
- Khai thác hiệu quả dịch vụ WWW
- Sử dụng được các kỹ năng tìm kiếm thông tin
- Cài đặt và sử dụng được thư điện tử
- Sử dụng được các dịch vụ, hội thoại Internet
- Sử dụng được các dịch vụ: Elearning; Forum; Ecommerce
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác

III. NỘI DUNG MÔ ĐUN:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian	Hình thức giảng dạy
1	Các khái niệm tổng quát	5	Tích hợp
2	Cách thức kết nối Internet	10	Tích hợp
3	Khai thác dịch vụ WWW	10	Tích hợp
4	Tìm kiếm thông tin trên Internet	10	Tích hợp
5	Cài đặt và sử dụng thư điện tử	15	Tích hợp
	Bài kiểm tra bài 5		
6	Sử dụng các dịch vụ, hội thoại Internet	5	Tích hợp
7	Sử dụng dịch vụ: Elearning; Forum; Ecommerce	5	Tích hợp
	Bài kiểm tra bài 6, 7		
	Tổng	60	

2. NỘI DUNG CHI TIẾT:

TaiLieu.vn

BÀI 1: CÁC KHÁI NIỆM TỔNG QUÁT

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về Internet, các thành phần của Internet và các nhà cung cấp dịch vụ internet
- Phân biệt được các loại địa chỉ Internet: Giao thức TCP/IP, địa chỉ IP
- Phân biệt được một số dịch vụ trên Internet
- Nghiêm túc, tự giác trong học tập

Nội dung:**1. Giới thiệu về Internet****1.1 Lịch sử hình thành và phát triển**

Internet là một tập hợp của các máy tính được liên kết nối lại với nhau thông qua hệ thống dây cáp mạng và đường điện thoại trên toàn thế giới với mục đích trao đổi, chia sẻ dữ liệu và thông tin. Bất cứ người nào trên hệ thống cũng có thể tiếp cận và đi vào xem thông tin từ bất cứ một máy tính nào trên hệ thống này hay hệ thống khác

Internet là một mạng toàn cầu bao gồm nhiều mạng LAN (Local Area Network), MAN (Metropolitan Area Network) và WAN (Wide Area Network) trên thế giới kết nối với nhau. Mỗi mạng thành viên này được kết nối vào Internet thông qua một router.

Vào cuối năm 1960 Bộ Quốc phòng Mỹ tiến hành xây dựng một mạng máy tính diện rộng trên toàn nước Mỹ. Mạng máy tính này có tên gọi là ARPANET (Advanced Research Project Agency Network), mục tiêu xây dựng của mạng máy tính này là cho phép các tổ chức chính phủ Mỹ chia sẻ tài nguyên như máy in, máy chủ, cơ sở dữ liệu trên mạng.

Vào đầu năm 1980 giao thức TCP/IP được phát triển và nhanh chóng trở thành giao thức mạng chuẩn được dùng trên mạng ARPANET. Hệ điều hành được dùng trên mạng lúc này là BSD UNIX cũng được tích hợp để sử dụng giao thức TCP/IP. Hệ điều hành này nhanh chóng trở thành một công cụ hữu hiệu để phát triển mạng máy tính.

Với các công nghệ mới này số lượng mạng máy tính đã phát triển nhanh chóng. Mạng ARPANET ban đầu đã trở thành mạng đường trục (backbone) cho mạng máy tính chạy trên giao thức TCP/IP gồm hàng ngàn máy thuộc các mạng cục bộ khác nhau. Mạng máy tính này chính là mạng Internet.

Tuy nhiên vào năm 1988, DARPA quyết định tiến hành các thử nghiệm khác, Bộ

Quốc phòng Mỹ bắt đầu hủy bỏ mạng ARPANET và thay vào đó bằng mạng máy tính NSFNET.

Phát triển từ mạng ARPANET, ngày nay mạng Internet gồm hàng trăm ngàn máy tính được nối với nhau trên toàn thế giới. Mạng đường trục hiện tại có thể tải được lưu lượng lớn gấp hàng ngàn lần so với mạng ARPANET trước đó.

1.2 Các thành phần của Internet: Mạng máy tính, cấu trúc mạng, giao thức kết nối mạng

1.3 Các nhà cung cấp dịch vụ

ISP (Internet Service Provider): Nhà cung cấp dịch vụ Internet: Cấp quyền truy cập Internet qua mạng viễn thông và các dịch vụ như Email, Web, FTP, Telnet...

ISP dung riêng: Được quyền cung cấp đầy đủ dịch vụ Internet. Điều khác nhau giữa ISP và ISP dung riêng là ISP dung riêng không cung cấp dịch vụ Internet với mục đích kinh doanh.

IAP (Internet Access Provider): Nhà cung cấp dịch vụ đường truyền để kết nối với Internet (Còn gọi là IXP)

ICP (Internet Content Provider) Nhà cung cấp dịch vụ nội dung thông tin Internet

OSP (Online Service Provider) Nhà cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet

User: Người sử dụng dịch vụ Internet

2. Phân biệt các loại địa chỉ Internet

2.1 Giao thức: TCP/IP và các giao thức con

Bộ giao thức TCP/IP, ([tiếng Anh](#): *Internet protocol suite* hoặc *IP suite* hoặc *TCP/IP protocol suite* - bộ giao thức liên mạng), là một bộ các [giao thức truyền thông](#) cài đặt [chồng giao thức](#) mà [Internet](#) và hầu hết các mạng máy tính thương mại đang chạy trên đó. Bộ giao thức này được đặt tên theo hai giao thức chính của nó là [TCP](#) (*Giao thức Điều khiển Giao vận*) và [IP](#) (*Giao thức Liên mạng*). Chúng cũng là hai giao thức đầu tiên được định nghĩa.

Như nhiều bộ giao thức khác, bộ giao thức TCP/IP có thể được coi là một tập hợp các tầng, mỗi tầng giải quyết một tập các vấn đề có liên quan đến việc truyền dữ liệu, và cung cấp cho các [giao thức tầng cấp trên](#) một dịch vụ được định nghĩa rõ ràng dựa trên việc sử dụng các dịch vụ của các tầng thấp hơn. Về mặt logic, các tầng trên gần với người dùng hơn và làm việc với dữ liệu trừu tượng hơn, chúng dựa vào các [giao thức tầng cấp dưới](#) để biến đổi dữ liệu thành các dạng mà cuối cùng có thể được truyền đi một cách vật lý.

Mô hình OSI miêu tả một tập cố định gồm 7 tầng mà một số nhà sản xuất lựa chọn và nó có thể được so sánh tương đối với bộ giao thức TCP/IP. Sự so sánh này có thể gây nhầm lẫn hoặc mang lại sự hiểu biết sâu hơn về bộ giao thức TCP/IP.

2.2 Địa chỉ IP: Giới thiệu về IP, phân lớp A, B, C

Địa chỉ IP (IP là viết tắt của từ tiếng Anh: *Internet Protocol* - giao thức Internet) là một địa chỉ đơn nhất mà những thiết bị điện tử hiện nay đang sử dụng để nhận diện và liên lạc với nhau trên mạng máy tính bằng cách sử dụng giao thức Internet.

Mỗi địa chỉ IP là duy nhất trong cùng một cấp mạng.

Một cách đơn giản hơn: IP là một địa chỉ của một máy tính khi tham gia vào mạng nhằm giúp cho các máy tính có thể chuyển thông tin cho nhau một cách chính xác, tránh thất lạc. Có thể coi địa chỉ IP trong mạng máy tính giống như địa chỉ nhà của bạn để nhân viên bưu điện có thể đưa thư đúng cho bạn chứ không phải một người nào khác.

Bất kỳ thiết bị mạng nào - bao gồm bộ định tuyến, bộ chuyển mạch mạng, máy vi tính, máy chủ hạ tầng (như NTP, DNS, DHCP, SNMP, v.v.), máy in, máy fax qua Internet, và vài loại điện thoại - tham gia vào mạng đều có địa chỉ riêng, và địa chỉ này là đơn nhất trong phạm vi của một mạng cụ thể. Vài địa chỉ IP có giá trị đơn nhất trong phạm vi Internet toàn cầu, trong khi một số khác chỉ cần phải đơn nhất trong phạm vi một công ty.

Địa chỉ IP hoạt động như một **bộ định vị** để một thiết bị IP tìm thấy và giao tiếp với nhau. Tuy nhiên, mục đích của nó không phải dùng làm **bộ định danh** luôn luôn xác định duy nhất một thiết bị cụ thể. Trong thực tế hiện nay, một địa chỉ IP hầu như không làm bộ định danh, do những công nghệ như **gán địa chỉ động** và biên dịch địa chỉ mạng.

Địa chỉ IP do Tổ chức cấp phát số hiệu Internet (IANA) quản lý và tạo ra. IANA nói chung phân chia những "siêu khối" đến Cơ quan Internet khu vực, rồi từ đó lại phân chia thành những khối nhỏ hơn đến nhà cung cấp dịch vụ Internet và công ty.

2.3 Tên miền DNS:

DNS là từ viết tắt trong tiếng Anh của *Domain Name System*, là **Hệ thống tên miền** được phát minh vào năm 1984 cho Internet, chỉ một hệ thống cho phép thiết lập tương ứng giữa địa chỉ IP và tên miền. Hệ thống tên miền (DNS) là một hệ thống đặt tên theo thứ tự cho máy vi tính, dịch vụ, hoặc bất kỳ nguồn lực tham gia vào Internet. Nó liên kết nhiều thông tin đa dạng với tên miền được gán cho những người tham gia. Quan trọng nhất là, nó chuyển tên miền có ý nghĩa cho con người

vào số định danh (nhị phân), liên kết với các trang thiết bị mạng cho các mục đích định vị và địa chỉ hóa các thiết bị khắp thế giới.

Phép tương thường được sử dụng để giải thích hệ thống tên miền là, nó phục vụ như một "Danh bạ điện thoại" để tìm trên Internet bằng cách dịch tên máy chủ máy tính thành địa chỉ IP Ví dụ, www.example.com dịch thành 208.77.188.166.

Hệ thống tên miền giúp cho nó có thể chỉ định tên miền cho các nhóm người sử dụng Internet trong một cách có ý nghĩa, độc lập với mỗi địa điểm của người sử dụng. Bởi vì điều này, [World Wide Web](http://www.worldwideweb.com) siêu liên kết và trao đổi thông tin trên Internet có thể duy trì ổn định và cố định ngay cả khi định tuyến dòng Internet thay đổi hoặc những người tham gia sử dụng một thiết bị di động. Tên miền Internet dễ nhớ hơn các địa chỉ IP như là 208.77.188.166 (IPv4) hoặc 2001: db8: 1f70:: 999: de8: 7648:6 e8 (IPv6).

Mọi người tận dụng lợi thế này khi họ thuật lại có nghĩa các URL và địa chỉ email mà không cần phải biết làm thế nào các máy sẽ thực sự tìm ra chúng.

Hệ thống tên miền phân phối trách nhiệm gán tên miền và lập bản đồ những tên tới địa chỉ IP bằng cách định rõ những máy chủ có thẩm quyền cho mỗi tên miền. Những máy chủ có tên thẩm quyền được phân công chịu trách nhiệm đối với tên miền riêng của họ, và lần lượt có thể chỉ định tên máy chủ khác độc quyền của họ cho các tên miền phụ. Kỹ thuật này đã thực hiện các cơ chế phân phối DNS, chịu đựng lỗi, và giúp tránh sự cần thiết cho một trung tâm đơn lẻ để đăng ký được tư vấn và liên tục cập nhật.

Nhìn chung, Hệ thống tên miền cũng lưu trữ các loại thông tin khác, chẳng hạn như danh sách các máy chủ email mà chấp nhận thư điện tử cho một tên miền Internet. Bằng cách cung cấp cho một thế giới rộng lớn, phân phối từ khóa – cơ sở của dịch vụ đổi hướng, Hệ thống tên miền là một thành phần thiết yếu cho các chức năng của Internet. Các định dạng khác như các thẻ RFID, mã số UPC, kí tự Quốc tế trong địa chỉ email và tên máy chủ, và một loạt các định dạng khác có thể có khả năng sử dụng DNS

3. Các dịch vụ trên Internet

Internet cung cấp một số dịch vụ mạnh mẽ và hiệu quả như: Web, E-Mail, FTP, hội thoại, Gopher, News Group, Newsletter và một số dịch vụ phổ biến khác

BÀI 2: CÁCH THỨC KẾT NỐI INTERNET

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu:

- Phân biệt được các phương thức kết nối
- Xác định và thao tác được cách thức kết nối mạng với Internet
- Cấu hình thiết bị để kết nối Internet vào hệ thống mạng
- Truy cập được vào các website thông dụng

Nội dung:

1. Các phương thức kết nối Internet;

Để sử dụng được email, truy cập trang web, máy tính của bạn phải được kết nối với máy chủ của dịch vụ Internet. Hiện có các hình thức kết nối thông dụng sau:

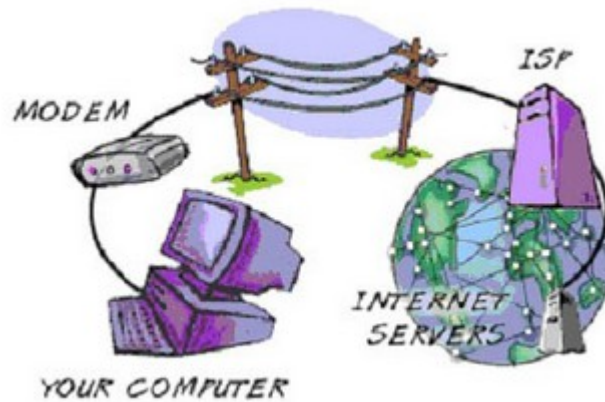
+ Kết nối dial-up: Còn gọi là kết nối quay số. Đây là hình thức kết nối đầu tiên và thường dùng cách đây 7 năm. Tốc độ đường truyền Internet của loại kết nối này rất thấp và phụ thuộc vào tốc độ giới hạn của modem, thường chỉ từ 56 Kbps trở xuống. Để sử dụng kết nối này, bạn cần có một modem dial-up (loại gắn trong hoặc gắn ngoài) và đường dây điện thoại. Sau đó quay số kết nối của nhà cung cấp dịch vụ Internet mà không cần phải làm hợp đồng đăng ký sử dụng. Khi đang kết nối, điện thoại bàn nhà xem như bận. Cước phí của dịch vụ kết nối này gồm 2 phần: phần cước phí gọi nội hạt và cước phí của nhà cung cấp dịch vụ Internet.

+ **Kết nối ADSL:** Đây là hình thức kết nối Internet đường truyền tốc độ cao, nhanh gấp nhiều lần so với kết nối dial-up. Nhờ vậy mà bạn có thể xem phim, nghe nhạc từ các trang web trên mạng Internet. Để dùng kết nối này, bạn phải có: modem ADSL, card mạng LAN, đoạn dây nối từ card mạng đến modem và đường dây kết nối Internet. Đường dây này có thể là cáp riêng hay dùng chung với đường dây điện thoại có sẵn, tùy theo nhà cung cấp dịch vụ. Mặc dù xài chung một đường dây nhưng điện thoại bàn của bạn vẫn không bị bận khi đang truy cập Internet. Cước của dịch vụ kết nối này phụ thuộc vào gói dịch vụ chọn dùng, có thể là cước trọn gói hoặc cước thuê bao tháng cộng với cước dịch vụ tính trên từng MB lưu lượng sử dụng.

+ **Kết nối không dây:** Kết nối này phổ biến rộng trong khoảng 3 năm trở lại đây, thường có ở các điểm truy cập Internet không dây như quán cafe, khách sạn ... Kết nối này thường dùng cho máy tính xách tay. Muốn dùng kết nối này, máy tính của bạn phải có card mạng không dây và đăng ký dịch vụ của nhà cung cấp Internet, hoặc kết nối thông qua máy chủ của quán cafe, khách sạn,... hoặc kết nối qua điện thoại di động.

2. Các mô hình kết nối Internet

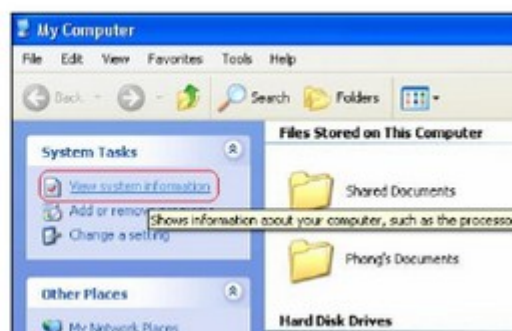
2.1 PC-Internet: Kết nối thông qua line điện thoại (hoặc ADSL)



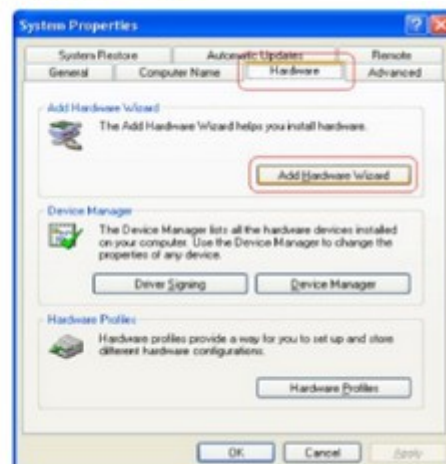
Hình 2.1: Mô hình kết nối

■ Cài đặt modem:

1. Click Start -> My Computer -> View System Information.



2. System Properties -> Hardware -> Add Hardware Wizard



3. Click Install from a list or specific location (Advanced) -> Next



4. Click vào Browse để chọn thư mục chứa driver -> Next



5. Windows copy các file của driver modem vào máy tính -> Next



6. Click Finish để kết thúc quá trình cài đặt modem



2.2 LAN-Internet: Kết nối thông qua một PC được kết nối trực tiếp đến ISP

Tiến hành:

1. Trong cửa sổ Internet Explore -> Tool -> Internet Options
2. Tại cửa sổ Internet Options chọn Connections -> LAN setting
3. Tại cửa sổ LAN setting nhập thông tin: địa chỉ IP máy chủ Proxy và cổng giao tiếp

3. Các yêu cầu để kết nối Internet

3.1 Chọn loại kết nối và dịch vụ

3.2 Đăng ký thuê bao dịch vụ

3.3 Lựa chọn các thiết bị phần cứng

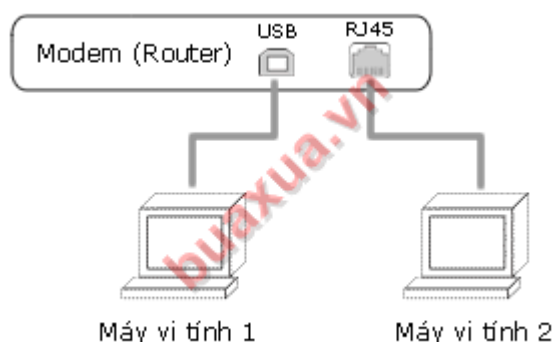
4. Kết nối mạng Internet với ADSL

Nhu cầu sử dụng kết nối mạng ADSL để truy cập internet hiện nay đã trở nên thông dụng đối với tất cả mọi người, khi đăng ký sử dụng dịch vụ nhà cung cấp dịch vụ thường khuyến mãi tặng kèm theo Modem ADSL và chỉ hỗ trợ cho mỗi máy vi tính kết nối mạng với một đường dây ADSL mà thôi. Do đó nếu muốn sử dụng thêm nhiều máy tính khác thì bạn phải tự mình thực hiện việc kết nối cho chúng.

Bài viết này sẽ hướng dẫn các cách chi sẽ kết nối mạng Internet cho nhiều máy vi tính dùng chung một kết nối mạng ADSL.

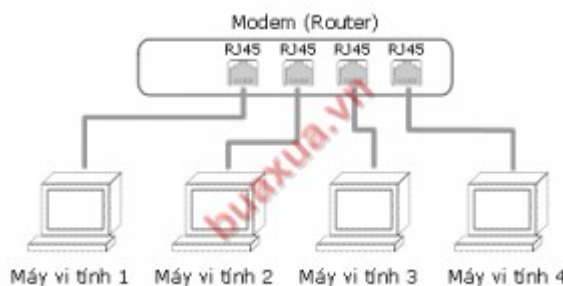
Chia sẽ kết nối ADSL trên Modem có cổng USB và RJ45

Sử dụng Modem (Router) có 1 cổng (Port) USB và 1 cổng RJ45, cách này chỉ kết nối được tối đa 2 máy vi tính. Máy đặt gần Modem, Router sẽ sử dụng kết nối USB còn máy ở xa sẽ sử dụng kết nối RJ45.



Chia sẽ kết nối ADSL trên Modem có 4 cổng RJ45

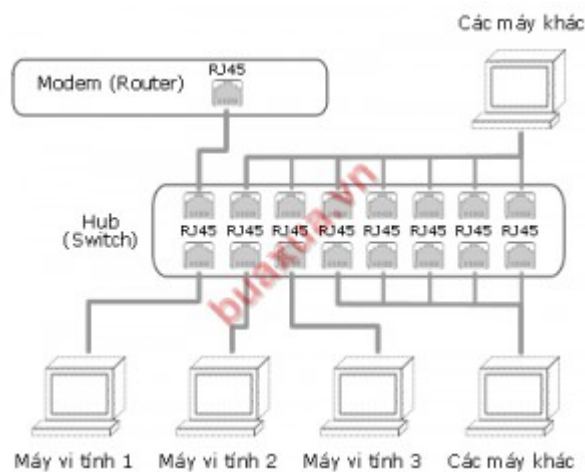
Sử dụng Modem (Router) có 4 cổng (Port) RJ45, cách này kết nối được tối đa 4 máy vi tính. Mỗi máy vi tính sẽ kết nối vào một cổng RJ45 trên Modem (Router) thông qua dây cáp mạng.



Chia sẽ kết nối ADSL bằng thiết bị mạng Router hoặc Switch

Sử dụng Modem (Router) có 1 cổng (Port) RJ45 và chia sẽ bằng Hub (Switch), cách này kết nối được rất nhiều máy vi tính. Hub (Switch) được kết nối với Modem

(Router) qua cổng RJ45, các máy vi tính sẽ kết nối vào các cổng RJ45 còn lại của Hub (Switch) thông qua dây cáp.



Tùy theo số lượng máy vi tính mà chọn Hub (Switch) có số lượng cổng RJ45 thích hợp, có thể kết hợp thêm nhiều Hub (Switch) với nhau để tăng thêm số cổng để kết nối.

Bài 3: KHAI THÁC DỊCH VỤ WWW

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về WWW
- Cài đặt và cấu hình được các trình duyệt Web thông dụng
- Sử dụng được các trình duyệt Website
- Truy cập được vào các website thông dụng
- Sao lưu nội dung của các Website
- Xử lý được một số sự cố web thông dụng

Nội dung:

1. Giới thiệu World Wide Web

World Wide Web là mạng lưới nguồn thông tin cho phép ta khai thác thông qua một số công cụ, chương trình hoạt động dưới các giao thức mạng. World Wide Web là công cụ, phương tiện hay đúng hơn là một dịch vụ của Internet. Lịch sử trang web.

World Wide web đã được tạo ra vào năm 1990 của CERN bởi kỹ sư Tim Berners-Lee. Ngày 30 tháng tư năm 1993, CERN thông báo rằng World Wide web sẽ được miễn phí để sử dụng cho bất cứ ai.

Trước khi giới thiệu về HTML và các giao thức HTTP và các giao thức khác như FTP,... được sử dụng để lấy các tập tin cá nhân từ một máy chủ. Những giao thức này cung cấp một cấu trúc thư mục đơn giản mà người sử dụng chuyển và chọn các tập tin để tải về. Văn bản được thường xuyên nhất được trình bày như là các tập tin văn bản thuần túy mà không có định dạng hoặc đã được mã hoá trong trình xử lý các định dạng.

Phân loại website.

Có thể là công việc của một cá nhân, một doanh nghiệp hoặc các tổ chức, và thường dành riêng cho một số chủ đề cụ thể hoặc mục đích. Bất kỳ trang web có thể chứa một siêu liên kết vào bất kỳ trang web khác, do đó, phân biệt các trang web cá nhân, như cảm nhận của người sử dụng. Tạm thời phân loại như sau:

- Trang web cá nhân
- Trang web thương mại
- Trang web của chính phủ
- Trang web tổ chức phi lợi nhuận
- Trình duyệt web

Trình duyệt web là một phần mềm ứng dụng cho phép người sử dụng xem và tương tác với các văn bản, hình ảnh, đoạn phim, nhạc, trò chơi và các thông tin khác ở trên một trang web của một địa chỉ web trên mạng toàn cầu hoặc mạng nội bộ. Văn bản và hình ảnh trên một trang web có thể chứa siêu liên kết tới các trang web khác của cùng một địa chỉ web hoặc địa chỉ web khác. Trình duyệt web cho phép

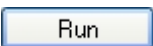
người sử dụng truy cập các thông tin trên các trang web một cách nhanh chóng và dễ dàng thông qua các liên kết đó. Trình duyệt web đọc định dạng HTML để hiển thị, do vậy một trang web có thể hiển thị khác nhau trên các trình duyệt khác nhau.

Một số trình duyệt web hiện nay cho máy tính cá nhân bao gồm Internet Explorer, Mozilla Firefox, Safari, Opera, Avant Browser, Konqueror, Lynx, Google Chrome, Flock, Arachne, Epiphany, K-Meleon và AOL Explorer.

2. Cài đặt và cấu hình trình duyệt Web

Hướng dẫn: Cài đặt và cấu hình với Fire Fox

Cài đặt **Firefox** khá đơn giản. Để bắt đầu quá trình cài đặt **Firefox**, hãy theo các bước sau:

Bước 1. Nhấn đúp chuột vào  **Firefox Setup 31.0.exe** ; hộp thoại cảnh báo mở tệp *Open File - An ninh Warning* có thể xuất hiện. Nếu vậy **nhấn**  để mở thanh trạng thái tiến trình *Giải nén*.

Sau vài giây, cửa sổ *Chào mừng tới Thuật sỹ Cài đặt Firefox* sẽ xuất hiện.

Bước 2. Theo các bước hướng dẫn của tiến trình cài đặt và chấp nhận các thiết đặt và tùy chọn mặc định.

Lưu ý: Không thay đổi các tùy chọn mặc định trừ khi bạn biết rõ việc mình làm và lý do thay đổi thiết đặt đó.

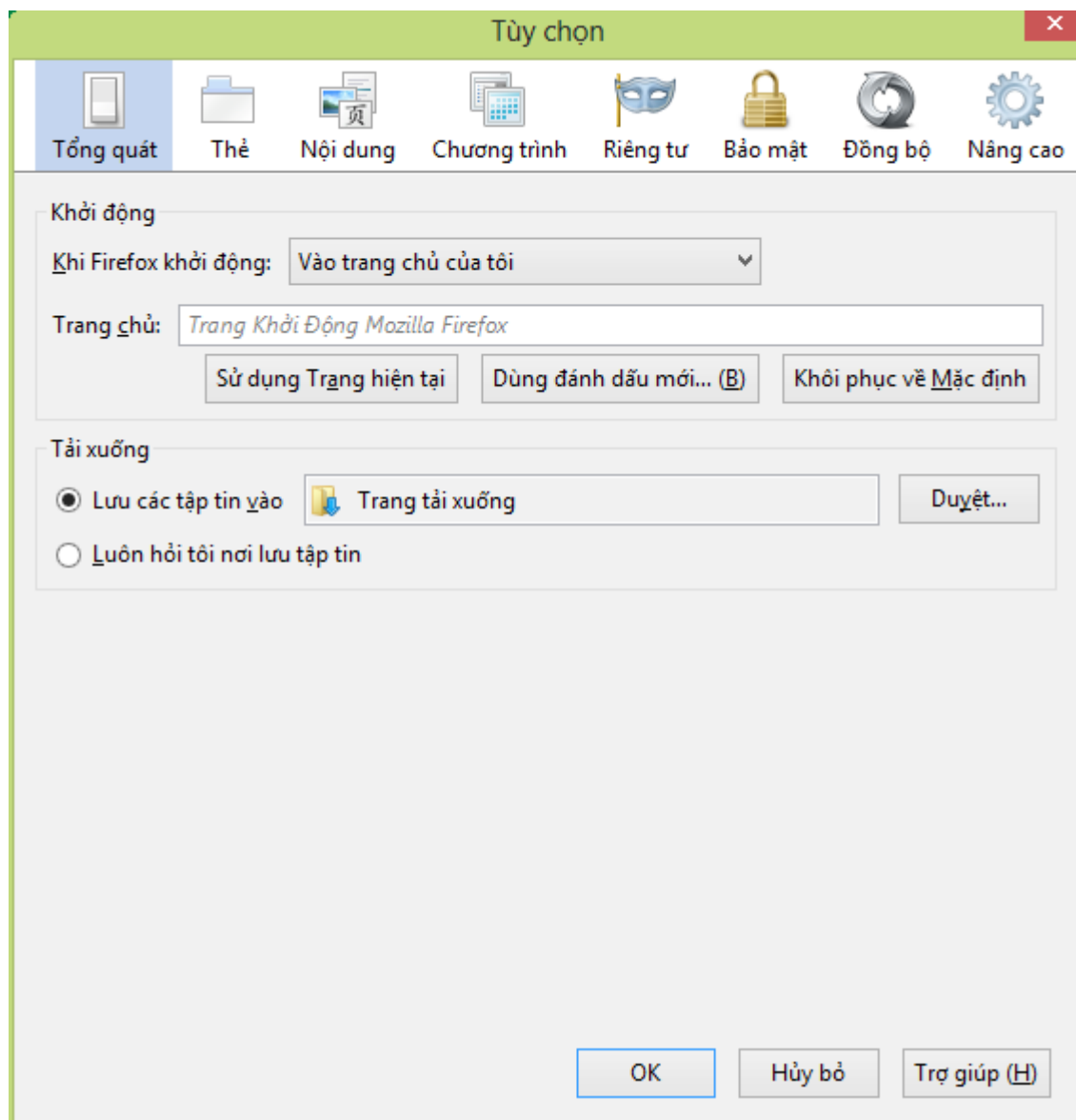
Để bắt đầu cấu hình **Firefox**, hãy theo các bước sau:

Bước 1. Chọn Công cụ > Tùy chọn... trên thanh trình đơn **Firefox** như sau:

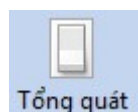


Hình 1: Mục *Tùy chọn* trên thanh Công cụ được chọn

Màn hình *Tùy chọn* sẽ hiển thị như sau:



Hình 2: Màn hình Tùy chọn hiển thị khung Tổng quát



Gợi ý: Nhấn **Tổng quát** nếu khung **Tổng quát** không tự động xuất hiện như trong Hình 2 phía trên.

Khung **Tổng quát** cho phép bạn thiết đặt một số tùy chọn cơ bản trong **Firefox** một trong số những thiết đặt này là lựa chọn trang chủ mặc định và thư mục lưu trữ các tập **Tải về**.

Thiết đặt mặc định của trình-đơn-xổ-xuống *Khi Firefox khởi động* là *Vào trang chủ của tôi*, và trang chủ mặc định là *Trang Khởi động Mozilla Firefox*.

Gợi ý: Nhấn Sử dụng Trang hiện tại để tự động chọn một trang khác bạn tin tưởng và muốn chọn làm trang chủ mặc định.

2.3 Hướng dẫn Thiết đặt tùy chọn trong khung Riêng tư

Khung *Riêng tư* cho phép bạn quản lý các thiết đặt liên quan tới bảo mật và tính riêng tư cho trình duyệt.



Bước 1. Nhấn Riêng tư để mở màn hình sau:

Tùy chọn


Tổng quát


Thẻ


Nội dung


Chương trình


Riêng tư


Bảo mật


Đồng bộ


Nâng cao

Theo dõi

☐ Nói với các trang web rằng tôi không muốn bị theo dõi

☐ Thông báo với các trang web rằng tôi muốn được theo dõi

☒ Không thông báo với các trang web bất kỳ điều gì liên quan đến các tùy chọn theo dõi của tôi.

[Tìm hiểu Thêm](#)

Lịch sử

Firefox sẽ: Không bao giờ ghi nhớ lược sử Sử dụng thiết lập tùy biến cho lịch sử

Firefox sẽ dùng thiết lập giống như chế độ duyệt web riêng tư, và sẽ không ghi nhớ lược sử khi bạn duyệt Web.

Bạn có thể cũng sẽ muốn [xóa toàn bộ lược sử hiện tại](#).

Thanh Địa Chỉ

Khi sử dụng thanh địa chỉ, đề nghị: Không đề nghị Khi sử dụng thanh địa chỉ, đề nghị:

OK
Hủy bỏ
Trợ giúp (H)

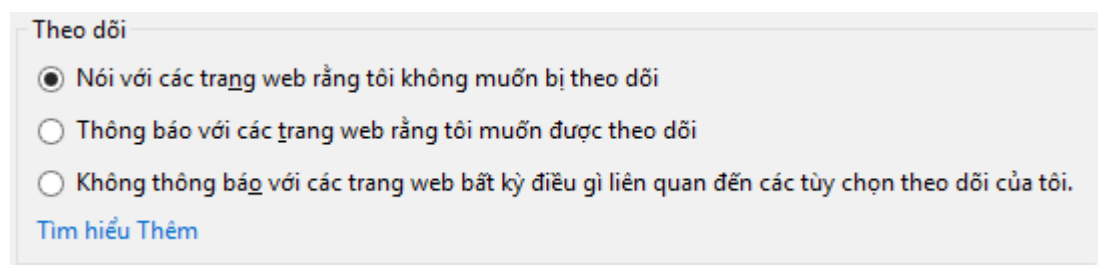
Hình 3: Màn hình Tùy chọn hiển thị khung Riêng tư

Khung **Bảo mật** được chia thành ba phần: Phần *Theo dõi*, Phần *Lược sử* và phần *Thanh địa chỉ*.

Phần Theo dõi

Mục chọn *Không Theo dõi* cho phép bạn xác định liệu bạn có muốn các hoạt động và hành vi trực tuyến của mình bị giám sát hay theo dõi bởi một bên thứ ba hay không, ví dụ, các công ty quảng cáo, các dịch vụ phân tích, hoặc các nhà nghiên cứu thị trường. Trong lần đầu **Firefox** được cài lên, thiết lập mặc định là *Nói với các trang web rằng tôi không muốn bị theo dõi* và cần phải được thay đổi; việc bật tùy chọn *Nói với các trang web rằng tôi không muốn bị theo dõi* sẽ thông báo cho các công ty và tổ chức liên quan rằng bạn không muốn bị theo dõi.

Lưu ý: Mục chọn **Không theo dõi** dựa trên hệ thống có sự trung thực và mang tính tự nguyện; dù vậy, các trang web của cá nhân hay tổ chức không hề bị ràng buộc pháp lý hay kỹ thuật về sự tôn trọng yêu cầu này. Cho dù số lượng các tổ chức có uy tín và trách nhiệm tham gia thực hiện yêu cầu này, Mục chọn *Không Theo dõi* phải được hỗ trợ bởi các thành phần bổ sung hoặc tiện ích để đối phó với các thành phần mang tính thương mại hoặc độc hại; việc lựa chọn tùy chọn này giúp giảm sự thể hiện của bạn đối với các loại quảng cáo nguy hại tiềm tàng trực tuyến. Để có thêm thông tin về các thành phần bổ sung của **Firefox**, hãy tham khảo [Thêm Các Thành phần Bổ sung Hữu ích cho Firefox](#).



Hình 4: Mục Theo dõi

Phần Lược sử

Phần *Lược sử* cho phép bạn quản lý 'lịch sử' truy cập của trình duyệt **Firefox***, **đúng vậy đấy, một danh sách các địa chỉ trang web khác nhau bạn đã từng truy cập với **Firefox**. Với thiết lập mặc định *Firefox* sẽ: *Ghi nhớ lược sử* và phải được thay đổi để bảo vệ tính riêng tư trong truy cập internet của bạn.

Để xóa bỏ các dấu vết truy cập của mình, hãy theo các bước sau:

Bước 1. Chọn trình đơn xổ xuống *Firefox* sẽ: và chọn mục *Không bao giờ ghi nhớ lược sử* như trong Hình 3.